

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ THÔI VIỆC
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
KHỐI CƠ QUAN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2025 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ thời việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thời việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH (năm, tháng)	Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ việc)									Các khoản kinh phí thực hiện (đơn vị tính: Việt Nam đồng)				Lý do nghỉ	Ghi chú	
							Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đặc, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: VND)	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm	Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/ND-CP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	TỔNG CỘNG															13.675.401.600	8.430.413.588	655.422.300	22.761.237.488			
A	Cán bộ, công chức và người làm việc tại các hội nghỉ thời việc theo quy định tại Điều 2 và Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 67/2025/ND-CP)															10.486.756.800	6.678.095.288	655.422.300	17.820.274.388			
I	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch															606.528.000	407.511.000	37.908.000	1.051.947.000			
1	Huỳnh Thị Phương	Chuyên viên văn phòng	26/02/1980	15/08/2025	60	21	5	4,32						1,080		12.636.000	606.528.000	407.511.000	37.908.000	1.051.947.000	Nghỉ thời việc theo nguyện vọng sau khi sắp nhập	
II	Sở Công Thương															2.156.544.000	1.625.481.000	134.784.000	3.916.809.000			
2	Nguyễn Thị Diễm Kiều	Phó phòng Quản lý thương mại	20/12/1975	01/8/2025	60	25	11	4,98	0,30					1,320		15.444.000	741.312.000	602.316.000	46.332.000	1.389.960.000	Nghỉ thời việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tỉnh (số lượng cấp phó cùng cấp tương ứng cao hơn so với quy định)	
3	Huỳnh Thị Kim Chung	Phó Chánh Văn phòng	09/6/1978	01/8/2025	60	24	7	5,08	0,30					1,345		15.736.500	755.352.000	590.118.750	47.209.500	1.392.680.250	Nghỉ thời việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tỉnh (số lượng cấp phó cùng cấp tương ứng cao hơn so với quy định và không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ)	
4	Trần Kiên	Phó Chánh văn phòng	07/8/1981	01/8/2025	60	20	11	4,40	0,30					1,175		13.747.500	659.880.000	433.046.250	41.242.500	1.134.168.750	Nghỉ thời việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tỉnh (sức khỏe không đảm bảo nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ)	

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ thôi việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH (năm, tháng)		Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ việc)									Các khoản kinh phí thực hiện (đơn vị tính: Việt Nam đồng)				Lý do nghỉ	Ghi chú
								Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đáng, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: VND)	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm	Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/ND-CP		
III	Sở Giáo dục và Đào tạo																467.532.000	189.934.875	29.220.750	686.687.625		
5	Nguyễn Thị Hoàng Linh	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính	14/12/1990	18/8/2025	60	12	10	3,33						0,833		9.740.250	467.532.000	189.934.875	29.220.750	686.687.625	Sắp xếp tổ chức bộ máy	Không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ (theo báo cáo của đơn vị tại Công văn số 651/SGDDT-TCCB ngày 15/8/2025)
IV	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh												0,000		0	735.696.000	367.848.000	45.981.000	1.149.525.000			
6	Mai Thị Lý	Trưởng phòng Công tác Quốc hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh	05/10/1983	16/08/2025	60	16	0	4,74	0,50					1,310		15.327.000	735.696.000	367.848.000	45.981.000	1.149.525.000	Sắp xếp tổ chức bộ máy	Sức khỏe không đảm bảo nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ (theo báo cáo của đơn vị tại Công văn số 51/VP-HCTCQT ngày 18/8/2025)
V	Ban An toàn giao thông																1.208.844.000	896.892.750	75.552.750	2.181.289.500		
7	Võ Ngọc Quảng	Phó chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	10/10/1977	30/08/2025	60	25	7	3,99	0,30					1,073		12.548.250	602.316.000	489.381.750	37.644.750	1.129.342.500	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng (Không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ)	
8	Nguyễn Cao Như Trường	Chuyên viên Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	11/06/1978	30/08/2025	60	21	2	4,32						1,080		12.636.000	606.528.000	407.511.000	37.908.000	1.051.947.000	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng (Không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ)	
VI	Sở Y tế																374.868.000	222.577.875	23.429.250	620.875.125		
9	Phạm Quyết Thắng	Chuyên viên, Sở Y tế	04/07/1984	01/08/2025	60	18	10	2,67						0,668		7.809.750	374.868.000	222.577.875	23.429.250	620.875.125	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tỉnh (sức khỏe không đảm bảo nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ)	
VII	Hội chữ thập đỏ																513.864.000	256.932.000	32.116.500	802.912.500		

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ thôi việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH (năm, tháng)		Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ việc)								Các khoản kinh phí thực hiện (đơn vị tính: Việt Nam đồng)				Lý do nghỉ	Ghi chú		
								Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đáng, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: VND)	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm			Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP	
10	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chuyên viên Văn phòng Hội Chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai	14/04/1981	01/09/2025	60	15	8	3,66							0,915		10.705.500	513.864.000	256.932.000	32.116.500	802.912.500	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tình (không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi sắp nhập)	
VIII	Hội nạn nhân chất độc da cam														0,000		0	1.027.728.000	489.776.625	64.233.000	1.581.737.625		
11	Lê Thị Liệu	Kế toán viên	15/05/1984	06/08/2025	60	17	1	3,66							0,915		10.705.500	513.864.000	281.019.375	32.116.500	826.999.875	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tình (không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi sắp nhập)	
12	Trần Đoàn Thủy Dung	Chuyên viên Văn phòng Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tin	13/04/1987	06/08/2025	60	12	9	3,66							0,915		10.705.500	513.864.000	208.757.250	32.116.500	754.737.750	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tình (không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi sắp nhập)	
IX	Liên minh Hợp tác xã																	915.688.800	456.027.975	57.230.550	1.428.947.325		
13	Phạm Thị Út	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Chính sách	17/11/1987	20/8/2025	60	12	7	3,33							0,833		9.740.250	467.532.000	189.934.875	29.220.750	686.687.625	Sắp xếp tổ chức bộ máy	Không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ (theo báo cáo của đơn vị tại Công văn 45/LMHTX ngày 20/08/2025)
14	Phạm Văn Thụy	Chuyên viên	19/11/1975	20/8/2025	60	19		3,99							0,000		9.336.600	448.156.800	266.093.100	28.009.800	742.259.700	Không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ (theo báo cáo của đơn vị tại Công văn 45/LMHTX ngày 20/08/2025)	Thẩm định tại CV số 1286/SNV-CCVC - 23/08/2025, Hồ sơ tại CV số 36/TTr-LMHTX - 13/08/2025 và CV số 45/LMHTX-VP -
X	Sở Khoa học và Công nghệ																	1.826.604.000	1.234.664.438	114.162.750	3.175.431.188		

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ thôi việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH (năm, tháng)		Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ việc)								Các khoản kinh phí thực hiện (đơn vị tính: Việt Nam đồng)				Lý do nghỉ	Ghi chú		
								Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đáng, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: VND)	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm			Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP	
15	Lê Thị Tú Châu	Chuyên viên Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	28/03/1976	01/08/2025	60	28	4	4,65	0,30						1,238		14.478.750	694.980.000	618.966.563	43.436.250	1.357.382.813	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tinh (không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi sắp nhập)	
16	Nguyễn Phùng Hưng	Chuyên viên chính Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	26/3/1984	01/08/2025	60	18	7	4,40	0,00						1,100		12.870.000	617.760.000	366.795.000	38.610.000	1.023.165.000	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tinh (không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi sắp nhập)	
17	Nguyễn Thị Thúy An	Chuyên viên Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	15/5/1982	01/08/2025	60	15	4	3,66	0,00						0,915		10.705.500	513.864.000	248.902.875	32.116.500	794.883.375	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tinh (không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi sắp nhập)	
XI	Sở Nội vụ																	652.860.000	530.448.750	40.803.750	1.224.112.500		
18	Huỳnh Thị Hương	Chuyên viên Phòng TĐKT&NCC thuộc Sở Nội vụ	19/04/1976	01/08/2025	60	25	9	4,65							1,163		13.601.250	652.860.000	530.448.750	40.803.750	1.224.112.500	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
B	Viện chức và người lao động nghỉ thôi việc theo quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 67/2025/NĐ-CP)																	3.188.644.800	1.752.318.300	0	4.940.963.100		
I	Sở Giáo dục và Đào tạo																	380.208.000	219.807.750	0	600.015.750		
19	Lê Anh Đức Huy	Nhân viên lái xe	27/11/1981	22/08/2025	60	18	2										7.921.000	380.208.000	219.807.750	0	600.015.750	Nghỉ thôi việc theo nguyện vọng trong thực hiện sắp xếp TCBM sau khi sắp nhập tinh	
II	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh																	422.400.000	316.800.000	0	739.200.000		

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ thôi việc	Thời gian tính hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc (tháng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH (năm, tháng)		Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ việc)								Các khoản kinh phí thực hiện (đơn vị tính: Việt Nam đồng)				Lý do nghỉ	Ghi chú	
								Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đáng, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: VNĐ)	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm			Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP
20	Huỳnh Thị Thu Trang	Nhân viên phòng HCTCQT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	26/03/1981	16/08/2025	60	23	8									8.800.000	422.400.000	316.800.000	0	739.200.000	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
III	Sở Nội vụ																1.992.556.800	1.018.970.550	0	3.011.527.350		
21	Trịnh Thị Thu Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	02/10/1983	01/08/2025	60	18	4									10.974.600	526.780.800	304.545.150		831.325.950	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
22	Hoàng Thị Phương Hào	Lưu trữ viên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	18/07/1979	01/08/2025	60	14	7									8.564.400	411.091.200	192.699.000		603.790.200	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
23	Huỳnh Thị Quyên	Lưu trữ viên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	12/06/1986	01/08/2025	60	14	7									7.792.200	374.025.600	175.324.500		549.350.100	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
24	Tường Thị Hoa	Lưu trữ viên, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	04/12/1985	01/08/2025	60	16	6									8.096.400	388.627.200	200.385.900		589.013.100	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
25	Nguyễn Thị Nam	Nhân viên phục vụ Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	03/05/1972	01/08/2025	60	15	7									6.084.000	292.032.000	146.016.000		438.048.000	Sắp xếp tổ chức bộ máy	
IV	Sở Tư pháp																393.480.000	196.740.000	0	590.220.000		
26	Nguyễn Thị Kim Dung	Nhân viên Văn phòng Sở Tư pháp	10/10/1986	15/08/2025	60	15	7									8.197.500	393.480.000	196.740.000		590.220.000	Sắp xếp tổ chức bộ máy	

Tổng cộng: 26 người./.